

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-PT

Ngày 05 tháng 4 năm 2018

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hoàng Thị Bích Hồng.

Các Thẩm phán: bà Tòng Thị Hiền và ông Cầm Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Ngọc Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: bà Phạm Minh Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thẩm lý số: 07/TLPT- HNGĐ ngày 05/3/2018 về việc: Xin ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T. Địa chỉ: bản X, xã Y, huyện Phù Yên, có mặt.

Bị đơn: Anh An Văn S. Địa chỉ: bản X, xã Y, huyện Phù Yên, có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn anh An Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

Chị và anh An Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/01/2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Y, huyện Phù Yên,

tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S ghen tuông, chửi bới, đánh đập và xúc phạm chị nhiều lần. Sự mâu thuẫn của vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng anh chị không có chuyển biến. Anh chị đã sống ly thân nhau được 04 tháng. Do mâu thuẫn không thể giải quyết được, nên ngày 31/10/2017 chị T đã có đơn xin ly hôn với anh S. Trong quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu là An Phương Chi, sinh ngày 01/10/2014, chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không yêu cầu anh S phải đóng góp nuôi con cùng. Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh An Văn S trình bày:

Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2012, cuộc sống chung vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, từ đó thường xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt, tuy nhiên không đến mức phải ly hôn, anh có nguyện vọng đoàn tụ. Con chung có một cháu An Phương Chi, trường hợp ly hôn anh S có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con cùng.

Tại bản án số 02/2018/HNGĐ-ST, ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã quyết định.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh An Văn S.

+ Con chung: Giao cháu An Phương Chi cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành, anh An Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn anh S có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, Tòa sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/02/2018 anh An Văn S có đơn kháng có không nhất trí bản án sơ thẩm về con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh An Văn S giữ nguyên quan điểm là được trực tiếp nuôi con.

Ý kiến tranh luận của người bị đơn anh An Văn S.

Cháu còn nhỏ, cô T đi làm xa không có thời gian chăm sóc, dạy bảo con cái, để cháu ở nhà với ông bà ngoại bỏ bê, không quan tâm gì đến cháu. Đề nghị Hội đồng xem xét cần giao lại cháu cho tôi nuôi dưỡng, giáo dục để cháu phát triển tốt hơn.

Ý kiến tranh luận của người nguyên đơn chị Hà Thị T:

Tôi không nhất trí với ý kiến của anh S, bởi sáng tôi đi làm tôi là về nhà quan tâm chăm sóc cháu, chưa một ngày nào tôi không về với cháu. Còn buổi sáng và chiều tôi cho cháu học trường Mầm non.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án:

- Về nội dung kháng cáo: Anh An Văn S kháng cáo với nội dung được nuôi con. Tuy nhiên, khi xem xét hoàn cảnh thực tế của anh S và chị T, xét thấy hoàn cảnh thực tế của anh S, không có công việc ổn định, thu nhập theo mùa vụ, việc chăm sóc cháu An Phương Chi không đảm bảo bằng chị Hà Thị T, chị Hà Thị T là giáo viên, có thu nhập ổn định. Hơn nữa, cháu Chi chỉ mới hơn 3 tuổi, nên cần người mẹ chăm sóc sẽ đảm bảo cho sự phát triển của cháu Chi hơn. Do đó, cần chấp nhận đơn về hình thức, không chấp nhận về nội dung đơn kháng cáo của anh An Văn S.

Từ căn cứ trên, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Chị Hà Thị T và anh An Văn S, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian và phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm không còn. Chị T đã yêu cầu xin ly hôn anh S, Tòa sơ thẩm thụ lý và giải quyết là đúng theo trình tự quy định của pháp luật.

[2].Về kháng cáo: Bị đơn anh An Văn S không nhất trí bản án sơ thẩm về con chung, anh có nguyện vọng là được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con chung cùng.

Xét điều kiện và khả năng thực tế của chị T và anh S, nhận thấy anh S không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập theo mùa vụ. Còn chị T là giáo viên, có thu nhập ổn định (lương tháng trên 4 triệu), điều kiện chăm sóc con tốt hơn anh S. Mặt khác, cháu Chi còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, nên cần giao cháu Chi cho chị Hà Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu.

Từ nhận định trên không chấp nhận đơn kháng cáo của anh An Văn S.

Về tình cảm, án phí sơ thẩm của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực T hành kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[3].Về án phí: Anh An Văn S phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh An Văn S, giữ nguyên bản án số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 21/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

2. Con chung: Giao cháu An Phương Chi, sinh ngày 01/10/2014 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành, anh An Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn anh S có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự:

- Anh An Văn S phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), tại biên lai thu số AA/2016/0000095 ngày 08/2/2018 của Chi cục T hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Phù Yên ;
- THADS huyện Phù Yên;
- Các đương sự;
- Phòng KTNVTHA ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hoàng Thị Bích Hồng